

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 -BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2026/HS-ST
Ngày 29 tháng 01 năm 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Miện

Bà Hoàng Thị Kim Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Tòa án nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2026/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đức T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Sinh ngày: 16/5/2007

Nơi cư trú: xóm S, xã V, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 11/12.

Họ và tên cha: Nguyễn Văn D, sinh năm 1975;

Họ và tên mẹ: Trịnh Thị L, sinh năm 1972;

Vợ, con: Chưa có

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai;

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 16/10/2025 đến ngày 25/10/2025 hủy bỏ biện pháp ngăn chặn. Hiện bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị hại:

Chị Đỗ Tố L1, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường N, tỉnh Bắc Ninh.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Trung Q, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Y, phường V, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khoảng giữa tháng 8/2025, Nguyễn Đức T, sinh ngày 16/5/2007, trú tại xóm S, xã V, tỉnh Bắc Ninh đi làm công nhân tại Công ty trách nhiệm hữu hạn C (viết tắt là Công ty C), ở Khu công nghiệp Q, thuộc địa phận Phường N, tỉnh Bắc Ninh. T được Công ty C phân làm ca đêm, làm việc tại xưởng V; đồng thời T ở trọ tại nhà trọ của ông Phạm Như Ý, sinh năm 1952, ở tổ dân phố T, phường N, tỉnh Bắc Ninh để đi làm việc. Khoảng đầu tháng 9/2025, khi nghỉ ăn đêm giữ ca làm việc, T đi lên tầng 4, toà nhà V4 trong Công ty thì phát hiện phòng tuyển dụng trên tầng 4 mở cửa, nhưng bên trong không có ai làm việc nên đi vào trong phòng nằm ngủ. Khi vào trong phòng, T phát hiện trên bàn làm việc có để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 màu đen, dung lượng 128GB, ốp lưng bằng nhựa silicon, bên trong lắp 01 thẻ sim nhà mạng Viettel là tài sản của chị Đỗ Tố L1, sinh năm 1990, trú tại tổ dân phố Đ, phường N, tỉnh Bắc Ninh, là nhân viên của Công ty. Hàng ngày, chị L1 để điện thoại di động trên tại phòng tuyển dụng để mọi người làm việc trong phòng cùng sử dụng chung. T cầm chiếc điện thoại của chị L1, thử nhập dãy số "000000" thì mở được khoá màn hình. Tiếp đó, T sử dụng điện thoại truy cập vào mạng xã hội để xem một lúc rồi để trả lại vị trí cũ và đi ngủ. Khoảng 05 giờ sáng, T ngủ dậy thấy trong phòng vẫn không có ai nên đi ăn sáng rồi rời khỏi Công ty. Những ngày tiếp theo, T vẫn đến Công ty làm việc bình thường, khi đến giờ nghỉ giữa ca, T vẫn lên khu vực phòng tuyển dụng trên tầng 4, toà nhà V để nằm nghỉ. Buổi tối ngày 12/9/2025, khi đến Công ty làm việc, T vào phòng tuyển dụng nơi làm việc của chị L1 nêu trên để tiếp tục ngủ thì bị bộ phận an ninh phát hiện rồi bị đuổi khỏi Công ty. T đi về phòng trọ của T để ngủ. Do thiếu tiền chi tiêu, T nảy sinh ý định đến Công ty rồi lên phòng tuyển dụng để trộm cắp điện thoại di động của chị L1. Khoảng 05 giờ ngày 13/9/2025, T đi bộ đến Công ty C rồi đi lên phòng tuyển dụng nơi làm việc của chị L1 ở tầng 4, toà nhà V. Thấy cửa phòng tuyển dụng vẫn mở, trong phòng không có người, T đi vào trong phòng thì nhìn thấy điện thoại di động Iphone 13 nêu trên của chị L1 vẫn để ở mặt bàn làm việc. T lấy trộm điện thoại di động của chị L1 cất giấu vào túi quần bên trái đang mặc rồi đi ra khỏi Công ty để về phòng trọ. Trên đường bỏ đi từ trong Công ty ra ngoài, T sử dụng chiếc điện thoại di động trộm cắp được chụp ảnh chân dung của T và quay video T đi bộ trong Công ty. Khi về đến phòng trọ, T bỏ điện thoại trộm cắp ra khoe với ông Ý, nhưng nói dối là điện thoại mới mua. Sau đó, T đi ra quán bán nước uống ở ngoài nhà trọ ngồi mở điện thoại trộm cắp của chị L1, thoát iCloud cũ của máy, đăng nhập I mang tên T

để sử dụng chơi game; tiếp đó T tháo vỏ ốp điện thoại, sim trong điện thoại trộm cắp vứt đi. Khoảng 14 giờ ngày 13/9/2025, T mang điện thoại di động trộm cắp của chị L1 đến cửa hàng điện thoại "Quý Mobile" ở tổ dân phố T, phường N, tỉnh Bắc Ninh, do anh Nguyễn Trung Q, sinh năm 2001, trú tại tổ dân phố Y, phường V, tỉnh Bắc Ninh làm chủ đề bán. Tại đây, T nói dối anh Q điện thoại di động Iphone 13 trộm cắp của chị L1 là tài sản của T. Anh Q bảo T mở mật khẩu khoá màn hình điện thoại để kiểm tra thì T mở được màn hình điện thoại; anh Q tin T nói thật nên đồng ý mua điện thoại di động với số tiền 6.500.000 đồng. T thoát iCloud của điện thoại di động đem bán xong thì đưa cho anh Q cầm rồi anh Q trả tiền mặt cho T. Toàn bộ số tiền bán điện thoại di động trộm cắp, T đã chi tiêu cá nhân hết.

Về phía chị L1, sáng ngày 13/9/2025 đến Công ty làm việc thì phát hiện bị trộm cắp mất chiếc điện thoại Iphone 13 nêu trên. Ngày 15/10/2025, chị L1 trình báo Đoàn Công an Q1 về việc bị mất trộm điện thoại di động Iphone 13 khi để tại phòng làm việc trong Công ty C.

Ngày 16/10/2025, thấy hành vi trộm cắp điện thoại di động đã bị phát hiện, Nguyễn Đức T đã đầu thú với Công an phường N. Sau đó, Đoàn Công an Q1, Công an phường N đã bàn giao T cùng tài liệu có liên quan đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh B để điều tra theo thẩm quyền.

Cùng ngày 16/10/2025, Cơ quan điều tra đã cho T chỉ nơi thực hiện trộm cắp tài sản; kết quả T tự chỉ được nơi trộm cắp điện thoại di động vào ngày 13/9/2025 là tại bàn làm việc trong phòng tuyển dụng đặt tại tầng 4, toà nhà V4 trong Công ty C nơi chị L1 làm việc. Cơ quan điều tra đã thu giữ được của anh Nguyễn Trung Q: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 màu đen, dung lượng 128GB, số máy MLPF3VN/A, số seri PT679M3W7M, Imeil: 35109520802302, Imei 2: 35109520352027, không lắp thẻ sim điện thoại đã mua của T vào ngày 13/9/2025.

Ngày 16/10/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tổ chức cho anh Q nhận dạng người đã bán điện thoại ngày 13/9/2025. Kết quả: Anh Q nhận ra Nguyễn Đức T là người đã bán chiếc điện thoại Iphone 13 nêu trên cho anh Q ngày 13/9/2025.

Ngày 16/10/2025, Cơ quan điều tra kiểm tra điện thoại thu giữ của anh Q, xác định điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 màu đen, số máy MLPF3VN/A, số seri PT679M3W7M, Imeil: 35109520802302, Imei2: 35109520352027, không lắp thẻ sim điện thoại. Sau khi kiểm tra điện thoại chị L1 nhận ra là điện thoại của mình do số máy, số seri, số imel trùng với đặc điểm điện thoại chị L1 bị mất trộm ngày 13/9/2025.

Tại kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐGTS ngày 22/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân phường N, kết luận giá trị tài sản chị L1 bị trộm cắp ngày 13/9/2025 có tổng trị giá là 9.070.000đồng, trong đó: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 màu đen, số máy MLPF3VN/A, số seri PT679M3W7M, Imeil: 35109520802302, Imei2: 35109520352027 trị giá 9.000.000đồng; 01 chiếc phôi sim di động: 40.000đồng; 01 ốp lưng nhựa cho điện thoại Iphone 13 trị giá 30.000đồng.

*Tại Bản cáo trạng số 120/CT-VKS ngày 08/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

*Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận về hành vi phạm tội của mình như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 -Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh trình bày lời luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 09 tháng đến 11 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 18 tháng đến 22 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đức T cho Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp Nguyễn Đức T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách Nguyễn Đức T cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc Nguyễn Đức T phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

Hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Ngày 13/11/2025, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Đỗ Tố L1, sinh năm 1990, trú tại Tổ dân phố Đ, phường N, tỉnh Bắc Ninh: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 màu đen, số máy MLPF3VN/A, số sê-ri PT679M3W7M, Imeil: 35109520802302, Imei 2: 35109520352027, không lắp thẻ sim điện thoại. Ngày 15/11/2025, chị Đỗ Tố L1 đã nhận lại chiếc điện thoại trên và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm bất cứ khoản gì khác, nên không xem xét, giải quyết.

Anh Nguyễn Trung Q đã được Nguyễn Đức T trả số tiền 5.000.000 đồng, anh Q không yêu cầu T trả số tiền còn lại 1.500.000đồng, nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 - Nghị quyết 326 của UBTVQH: Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, tại giai đoạn điều tra đã có lời khai, nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người trên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi: Lời khai của bị cáo Nguyễn Đức T tại phiên tòa hôm nay phù hợp với diễn biến hành vi phạm tội, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, kết quả định giá và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng hơn 05 giờ ngày 13/9/2025, tại phòng tuyển dụng ở tầng 4, tòa nhà V4 trong Công ty trách nhiệm hữu hạn C, ở Khu công nghiệp Q thuộc địa phận phường N, tỉnh Bắc Ninh; Nguyễn Đức T, sinh ngày 16/5/2007, trú tại xóm S, xã V, tỉnh Bắc Ninh đã lén lút trộm cắp được 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13-128GB, màu đen, lắp sim nhà mạng Viettel, ốp lưng bằng nhựa silico, có tổng trị giá 9.070.000đồng là tài sản của chị Đỗ Tố L1, sinh năm 1990, trú tại Tổ dân phố Đ, phường N, tỉnh Bắc Ninh đang làm việc tại Công ty. Sau đó, T mang điện thoại di động trộm cắp bán cho người khác lấy tiền chi tiêu cá nhân.

Bị cáo Nguyễn Đức T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng sơ hở của người khác đã có hành vi lén lút để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Đức T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội thấy:

Bị cáo Nguyễn Đức T đã có hành vi lén lút để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần có hình phạt phù hợp để nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường, khắc phục hậu quả; sau khi phạm tội ra đầu thú, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Chị Đỗ Tố L1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm bất cứ khoản gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Trung Q đã được Nguyễn Đức T trả số tiền 5.000.000 đồng, anh Q không yêu cầu T trả số tiền còn lại 1.500.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[8] Về vật chứng của vụ án: Ngày 13/11/2025, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Đỗ Tố L1, sinh năm 1990, trú tại Tổ dân phố Đ, phường N, tỉnh Bắc Ninh: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 màu đen, số máy MLPF3VN/A, số sê-ri PT679M3W7M, Imeil: 35109520802302, Imei 2: 35109520352027, không lắp thẻ sim điện thoại. Ngày 15/11/2025, chị Đỗ Tố L1 đã nhận lại chiếc điện thoại trên. nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 65 - Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 10 (M) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” cho hưởng án treo; thời gian thử thách 01 (một) năm 08 (tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đức T cho UBND xã V, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Đức T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không có

3. Về hình phạt bổ sung: Không có

4. Về vật chứng của vụ án: Không có

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

7. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Ninh;
- Công an tỉnh Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh ;
- VKSND Khu vực 2 -Bắc Ninh;
- Trại tạm giam số 2-Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Sự

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

.....—

Nguyễn Thị Sự

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Công an huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Sự

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Hoàng – Lê Văn Đô

Nguyễn Thị Sự

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Công an huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Nguyễn Thị Sự

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Sự

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Công an huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Sự

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Sự

